

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2026/HS-ST
Ngày: 08 tháng 4 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Năng
- Ông Bùi Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Cù Thị Ngọc Hân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Phạm Văn T (tên gọi khác: Mèo). Giới tính: Nam. Sinh năm: 2004 tại tỉnh An Giang. Nơi cư trú: ấp C, xã C, tỉnh An Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Đạo Phật. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: Lớp 07/12. Cha: Phạm Văn K, sinh năm 1977. Mẹ: Lê Thị Trúc L, sinh năm 1981.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/03/2024 bị Công an huyện C, tỉnh An Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền: 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đá gà được thua bằng tiền; đã nộp phạt xong ngày 11/3/2024.

Bị cáo Phạm Văn T bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/7/2025 tại Phân Trại T giam Châu Đốc cơ sở 3 thuộc Trại Tạm giam số 01 - Công an tỉnh A cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Văn H – Luật sư thuộc

Đoàn luật sư tỉnh A; địa chỉ: Số 1 đường L, phường B, tỉnh An Giang (có mặt).

Bị hại: Bà Lê Thị L1, sinh năm 1959; nơi cư trú: ấp A, xã B, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0336171794 (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp C, xã C, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0974876115 (có mặt)

Người làm chứng: Bà Võ Thị Trúc P (có mặt); bà Mai Thị C, ông Nguyễn Hữu N, bà Trần Thị Kim N1, ông Nguyễn Hoàng S, ông Nguyễn Hoàng Trọng A, ông Phạm Lập N2 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 02/7/2025, Phạm Văn T điều khiển xe mô tô biển số 67C1 - 802.40 chạy trên Tỉnh lộ 941 thì nhìn thấy bà Võ Thị Trúc P điều khiển xe mô tô biển số 67C1-469.58, chở theo mẹ ruột là bà Lê Thị L1 phía sau, trên cổ bà L1 có đeo sợi dây chuyền vàng 18k. Do không có tiền trả nợ nên T nảy sinh ý định cướp giật sợi dây chuyền. T điều khiển xe mô tô biển số 67C1 - 802.40 chạy bám theo xe của bà P. Khi đến đoạn đường vắng thuộc ấp P, xã B, tỉnh An Giang, T điều khiển xe áp sát bên trái xe mô tô của bà P rồi dùng tay phải giật đứt sợi dây chuyền vàng 18k đang đeo trên cổ của bà L1, còn mặt dây chuyền vàng 14k rơi lại hiện trường, rồi tăng ga nhanh chóng tẩu thoát. T điều khiển xe mô tô biển số 67C1 - 802.40 chạy về nhà và để dây chuyền vàng vừa cướp giật được trong túi quần cất giấu. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô Wave RSX màu sơn đỏ-đen, biển số 67C1-351.51 của ông Phạm Văn K (cha ruột của T) đến tiệm vàng “Sơn H1” tại chợ C1 bán cho anh Nguyễn Hoàng Trọng A (chủ tiệm vàng) được 27.000.000 đồng. Khoảng 18 giờ ngày 03/7/2025, T mang tiền đến tiệm thuốc tây “Kim Cương” tại chợ C1 gặp bà Trần Thị Kim N1, T đưa tiền mặt 17.000.000 đồng cho bà N1 nhờ chuyển vào tài khoản của T, còn 10.000.000 đồng tiền mặt cất giữ trong người. Cùng ngày, T đến Bệnh viện Đ thăm mẹ của T đang chạy thận, T gặp người phụ nữ lạ mặt (không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) nhờ T chuyển tiền vào tài khoản của người phụ nữ này số tiền 17.000.000 đồng, người phụ nữ này đưa tiền mặt cho T 17.000.000 đồng, lúc này T có 27.000.000 đồng tiền mặt. Sau đó, T về đến xã A, vào cây ATM thuộc ngân hàng S1 để nạp số tiền 27.000.000 vào tài khoản của T nhưng máy ATM không nhận. Lúc này, T thấy có người đàn ông lạ (không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) đến cây ATM rút tiền nên T nhờ người đàn ông này chuyển số tiền 26.700.000 đồng vào tài khoản của T, T đưa tiền mặt cho người đàn ông này, còn lại số tiền 300.000 đồng, T tiêu sài cá nhân hết. Cùng ngày, T chuyển khoản trả nợ cho K1 “HP” (là bạn quen biết ngoài xã hội, không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) số tiền 5.000.000 đồng và rút 10.000.000 đồng tiền mặt cất trong người. Đến khoảng 20 giờ ngày 03/7/2025, Công an xã B đến mời T về Cơ quan làm việc và tạm giữ số tiền: 10.800.000 đồng tiền mặt (10.000.000 đồng trong túi quần, 600.000 đồng trong bóp da và 200.000 đồng

trong cốp xe của T). Ngày 23/7/2025, cha của thuận là ông Phạm Văn K đến một cây ATM thuộc xã A để rút số tiền 11.700.000 đồng từ tài khoản của T và giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Ngày 09/7/2025, Phạm Văn T bị khởi tố để điều tra.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Phạm Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực tác động gia đình khắc phục, bồi thường thiệt hại cho bị hại Lê Thị L1 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 04 chỉ 03 phân (bằng sợi dây chuyền Thuận cướp giật của bà L1).

* Căn cứ Công văn phúc đáp số 446/2025-CV-PNJ ngày 19/8/2025 của Chi nhánh Công ty V - Chi nhánh P1, xác định: 01 (một) mặt dây chuyền kim loại màu vàng (hột dưa cẩm thạch hình giọt nước, xung quanh có đính đá màu trắng) có chứa hàm lượng vàng 14k tỷ lệ 58%

* Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 10/01/2026 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã B, kết luận:

- 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18k, loại 610, trọng lượng 04 chỉ 03 phân, trị giá 29.007.800 đồng.

- 01 (một) mặt dây chuyền vàng, hàm lượng vàng 14k (58%), trọng lượng 09 phân, trị giá 5.849.850 đồng.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) áo thun (cổ bẻ, có bầu) màu đen-nâu;

- 01 (một) quần ngắn màu đen;

- 01 (một) đôi dép màu đen, trên dép có chữ BURBERRY LONDON England;

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Pro màu đen;

- 01 (một) xe mô tô biển số: 67C1-802.40, nhãn hiệu Honda, số loại: VARIO 15, màu sơn: đỏ-đen;

- Tiền mặt 22.500.000 đồng (gồm 21.700.000 đồng do bán sợi dây chuyền có được và 800.000 đồng tiền của bị cáo).

- 01 (một) mặt dây chuyền vàng, có đặc điểm: Hột dưa cẩm thạch hình giọt nước, xung quanh có các hột đá màu trắng và kim loại màu vàng, trọng lượng 09 phân, đã trao trả cho bà Lê Thị Lệ .

* LỜI khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bị hại bà Lê Thị L1 trình bày phù hợp như nội dung vụ án nêu trên. Hiện, bà L1 đã nhận lại mặt dây chuyền do Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại và nhận sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 04 chỉ 03 phân do cha của bị cáo T bồi thường, không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin bãi nại cho bị cáo T.

- Người làm chứng Võ Thị Trúc P, Mai Thị C, Nguyễn Hữu N, Trần Thị Kim N1, Nguyễn Hoàng S, Nguyễn Hoàng Trọng A, Phạm Lập N2 trình bày

phù hợp như nội dung vụ án đã nêu. Chuyên trình bày: Chuyên là người nhất được mặt dây chuyền tại hiện trường đưa cho bà L1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn K trình bày: Việc sử dụng xe mô tô biển số 67C1-802.40 (do T đứng tên) để đi cướp giật sợi dây chuyền của bà L1 và dùng xe mô tô biển số 67C1-351.51 (do K đứng tên) để đi bán sợi dây chuyền ông K hoàn toàn không biết. Sau khi sự việc, ông K đã mượn tiền mua sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 04 chỉ 03 phân với giá 30.200.000 đồng để bồi thường cho bà L1. Số tiền 11.700.000 đồng Khỏe giao nộp cho Cơ quan điều tra là do ông K rút trong tài khoản của T để nộp cho Cơ quan điều tra sau khi T bị Cơ quan điều tra mời làm việc. Khỏe có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và mong muốn nhận lại số tiền Cơ quan điều tra đã thu giữ để trả nợ.

- Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Văn T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung, diễn biến vụ án, lời khai bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hiện, bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại Lê Thị L1 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 04 chỉ 03 phân (bằng sợi dây chuyền Thuận cướp giật của bà L1)

Tại Cáo trạng số 73/CT-VKSKV10 ngày 11 tháng 3 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị L1 không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn K giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại cơ quan điều tra. Đối với số tiền ông đã bỏ ra mua lại sợi dây chuyền thay cho bị cáo T để trả cho bà Lê Thị L1, ông xác định không tranh chấp, không có yêu cầu bị cáo T trả lại.

Người làm chứng: Bà Võ Thị Trúc P có lời khai phù hợp với nội dung vụ án. Bà giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại cơ quan điều tra, không thay đổi gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm 6 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo thun (cổ bẻ, có bầu) màu đen-nâu; 01 (một) quần ngắn màu đen; 01 (một) đôi dép màu đen, trên dép có chữ BURBERRY LONDON England; 01 (một) mũ bảo hiểm màu bạc (tất cả đã qua sử dụng);

- Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Pro màu đen, đã qua sử dụng;

- Tịch thu, phát mãi, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô biển số: 67C1-802.40, nhãn hiệu Honda, số loại: VARIO 15, màu sơn: đỏ-đen, đã qua sử dụng;

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 21.700.000 (hai mươi một triệu, bảy trăm nghìn) đồng do bán sợi dây chuyền có được.

- Trả lại cho bị cáo số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng tiền của bị cáo

- *Người bào chữa cho bị cáo Luật sư Nguyễn Văn H có ý kiến:* Xin Hội đồng xét xử quan tâm đến hoàn cảnh gia đình bị cáo, mẹ bị cáo đang bị bệnh thận (một tuần chạy thận ba ngày), cần sự chăm sóc đặc biệt, bị cáo là người duy nhất có khả năng chăm sóc và giúp đỡ mẹ, một tuần bị cáo phải chở mẹ đi chạy thận ở L ba lần nên bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo có học vấn thấp nên nhận thức pháp luật bị hạn chế nên suy nghĩ nông cạn dẫn đến hành động mù quáng sa vào tội lỗi. Hơn nữa, bị cáo có khắc phục bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn nhắc áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T ở mức đầu khung cũng đủ tính răn đe, giáo dục để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo thống nhất với ý kiến của người bào chữa và không có ý kiến với phát biểu luận tội của đại diện Viện kiểm sát, thừa nhận hành vi cướp giật tài sản. Bị cáo ăn năn về hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Người làm chứng bà Mai Thị C, ông Nguyễn Hữu N, bà Trần Thị Kim N1, ông Nguyễn Hoàng S, ông Nguyễn Hoàng Trọng A, ông Phạm Lập N2 vắng mặt. Xét thấy, quá trình điều tra, truy tố họ đã cung cấp lời khai cho cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; nên vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã

thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội:

Bị cáo Phạm Văn T đã có hành vi sử dụng xe mô tô biển số 67C1-802.40 để cướp giật 01 sợi dây chuyền trọng lượng 04 chỉ 03 phân vàng 18k, trị giá 29.007.800 đồng và 01 mặt dây chuyền trọng lượng 09 phân vàng 18k, trị giá 5.849.850 đồng, tổng trị giá chung là 34.857.650 đồng để bán tiêu xài và bị phát hiện. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với lời khai của bị hại.

Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS, ngày 10/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã B, kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18k, loại 610, trọng lượng 04 chỉ 03 phân, trị giá 29.007.800 đồng và 01 (một) mặt dây chuyền vàng, hàm lượng vàng 14k (58%), trọng lượng 09 phân, trị giá 5.849.850 đồng.

Bị cáo T là người có đủ năng lực, trách nhiệm hình sự, nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân. Bị cáo chỉ vì muốn có tiền nhanh chóng để tiêu xài và trả nợ mà sử dụng thủ đoạn hết sức nguy hiểm là dùng xe máy làm phương tiện để thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bị hại, rồi nhanh chóng tẩu thoát, có khả năng gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại và người tham gia lưu thông trên đường. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, muốn có tiền tiêu xài, đã vay mượn tiền của nhiều người dẫn đến không có khả năng trả nợ nên nảy sinh ý định cướp giật tài sản đem bán lấy tiền trả nợ. Vì vậy, cần có hình phạt tương xứng đối với bị cáo, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo mục đích giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo cũng đã khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Mẹ bị cáo đang bị bệnh thận (một tuần chạy thận ba ngày), bị cáo là người chở mẹ đi chạy thận, bị cáo có học vấn thấp nên nhận

thức pháp luật bị hạn chế, bị cáo đã vận động gia đình khắc phục bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử sẽ có xem xét cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) mặt dây chuyền vàng, có đặc điểm: Hột dừa cầm thạch hình giọt nước, xung quanh có các hột đá màu trắng và kim loại màu vàng, trọng lượng 09 phân. Hiện đã trao trả cho bà Lê Thị L1 là chủ sở hữu hợp pháp, nên không xem xét, giải quyết.

- Đối với 01 (một) áo thun (cổ bẻ, có bầu) màu đen-nâu; 01 (một) quần ngắn màu đen; 01 (một) đôi dép màu đen, trên dép có chữ BURBERRY LONDON England; 01 (một) mũ bảo hiểm màu bạc (tất cả đã qua sử dụng), thu giữ của bị cáo, đây là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội và không còn giá trị sử dụng. Xét, tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Pro màu đen, đã qua sử dụng, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển số: 67C1-802.40, nhãn hiệu Honda, số loại: VARIO 15, màu sơn: đỏ-đen, đã qua sử dụng, tài sản này liên quan đến hành vi phạm tội. Xét, tịch thu, phát mãi, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 21.700.000 (hai mươi một triệu, bảy trăm nghìn) đồng do bán sợi dây chuyền có được, là tiền từ việc phạm tội mà có. Xét, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng tiền của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội. Xét, trả lại cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Cướp giật tài sản*”;

Xử phạt: Phạm Văn T 03 (ba) năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*”;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày 04 tháng 7 năm 2025

2. *Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;*

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) áo thun (cổ bẻ, có bầu) màu đen-nâu; 01 (một) quần ngắn màu đen; 01 (một) đôi dép màu đen, trên dép có chữ BURBERRY LONDON England; 01 (một) mũ bảo hiểm màu bạc (tất cả đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Pro màu đen, đã qua sử dụng.

- Tịch thu, phát mãi nộp ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô biển số: 67C1-802.40, nhãn hiệu Honda, số loại: VARIO 15, màu sơn: đỏ-đen, đã qua sử dụng.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 21.700.000 (hai mươi một triệu, bảy trăm nghìn) đồng do bán sợi dây chuyền có được.

- Trả lại cho bị cáo số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 52/QĐ-VKSKV10 ngày 11/3/2026);

3. *Về hình phạt bổ sung:* Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

4. *Về án phí:* Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang ;
- VKSND tỉnh An Giang ;
- VKSND khu vực 10;
- Sở Tư pháp;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh An Giang
- Phân trại tạm giam Châu Đốc (Cơ sở 3)
thuộc Trại tạm giam số 1 – Công an tỉnh An Giang;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Bộ phận THA Tòa án ;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu văn phòng .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Xuân Bích